TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 - T

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2026/DS-ST
Ngày: 08-01-2026
V/v tranh chấp về hợp đồng đặt cọc.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh L.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn B1.
2. Ông Nguyễn Văn Th.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Q – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân khu vực 8 - T.

Trong ngày 08 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8- T xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 197/2025/TLST-DS, ngày 11 tháng 11 năm 2025 về việc *"Tranh chấp hợp đồng đặt cọc"* theo quyếtđưa vụ án ra xét xử số 124/2025/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1962; Địa chỉ: Số A, ấp K, phường S, tỉnh Đ.

Bị đơn: Ông Hà Quốc V, sinh năm 1979; Địa chỉ: Ấp B, xã T, tỉnh T.

Ông B vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

Ông V vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn B trình bày:

Vào năm 2021, ông Nguyễn Văn B làm nghề mua lúa nên thông qua bạn bè giới thiệu ông B với ông Hà Quốc V. Từ năm 2021 đến năm 2023, ông B đã nhiều lần chuyển tiền, đưa tiền cho ông V để mua lúa của người dân ở thị xã K rồi giao

lại cho ông B, ông V hưởng chêch lệch một tấn 500.000 đồng. Trong thời gian này, ông B và ông V làm ăn rất sòng phẳng, rõ ràng. Ông B đã trả cho ông V tiền chênh lệch đầy đủ, ông V nhận tiền của ông B thì cũng tiến hành mua lúa của người dân và giao lúa cho ông B đủ số lượng nên từ đó ông B rất tin tưởng ông V.

Vào khoảng tháng 3 năm 2024, ông B tiếp tục nhiều lần chuyển tiền, đưa tiền cho ông V để mua lúa của người dân ở thị xã K với tổng số tiền 604.000.000 đồng để mua lúa vụ Đông Xuân năm 2024. Tuy nhiên, kết thúc vụ Đông Xuân năm 2024, ông B qua thị xã K lấy lúa như mọi năm thì ông V hẹn nhiều lần. Ông B cũng tin tưởng ông V nên đồng ý.

Vào ngày 14/9/2024, ông V viết cam kết đồng ý trả cho ông B số tiền 604.000.000 đồng. Khoảng 01 tháng sau, ông V có trả cho ông B 100.000.000 đồng, còn nợ lại 504.000.000 đồng hứa 05 - 06 tháng nữa sẽ trả hết.

Hết thời hạn 05 - 06 tháng thì ông V vẫn không trả cho ông B số tiền 504.000.000 đồng. Ông B bị khuyết tật ở chân nhưng lại từ Đồng Tháp chạy qua thị xã K nhiều lần đòi tiền. Vào ngày 19/4/2025, ông V lại viết giấy cam kết hẹn vào ngày 19/5/2025 trả 250.000.000 đồng, ngày 19/7/2025 trả 254.000.000 đồng nhưng kéo dài đến nay không thực hiện.

Nay ông B khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 8 - T giải quyết buộc ông Hà Quốc V phải trả cho ông B tổng cộng 545.832.000 đồng, cụ thể như sau:

- Tiền gốc 504.000.000 đồng.

- Tiền lãi tạm tính từ ngày 14/9/2024 đến ngày 14/7/2025 với mức lãi suất 0,83%/tháng là 504.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 10 tháng = 41.832.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết tại Tòa án, ông Hà Quốc V *vắng mặt, không có ý kiến.*

Trong đơn xin giải quyết vắng mặt, ông B bổ sung yêu cầu tính lãi theo lãi suất 0,83%/tháng cho đến ngày xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án xác định quan hệ pháp luật là "tranh chấp về hợp đồng đặt

cọc". Ông Hà Quốc V cư trú tại ấp B, xã T, tỉnh T. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 8 – T thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2]. Về việc giải quyết vắng mặt những người tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Văn B có đơn xin giải quyết vắng mặt. Ông Hà Quốc V đã được cấp, tống đạt đầy đủ các thông báo, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên toà nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án vắng mặt ông B, ông V.

[3]. Ông Nguyễn Văn B thay đổi yêu cầu khởi kiện đối với ông Hà Quốc V về số tiền lãi và thời hạn trả lãi tính đến ngày 08/01/2026 là trong phạm vi khởi kiện ban đầu nên được chấp nhận.

[4]. Về yêu cầu trả cọc:

[4.1]. Ông Nguyễn Văn B khởi kiện và đã cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là 03 (ba) Biên nhận có đầy đủ chữ ký của ông Hà Quốc V cụ thể:

Biên nhận ngày 02/8/2024, thể hiện liệt kê các khoản tiền ông V nợ ông B là: Nợ cũ 114.000.000 đồng + nợ bao tiêu 336.000.000 đồng + nợ cọc 154.000.000 đồng, tổng cộng là 604.000.000 đồng.

Biên nhận ngày 14/9/2024, thể hiện ông V cam kết trả tiền cho ông B như sau: 25 ngày kể từ ngày 14/9/2024 đến ngày 09/10/2024 sẽ trả 100.000.000 đồng và trả hết số tiền còn lại 504.000.000 đồng trong thời gian 5-6 tháng.

Biên nhận ngày 19/4/2025, thể hiện ông V cam đoan trả tiền cho ông B như sau: Ngày 19/5/2025 sẽ trả 250.000.000 đồng, đến ngày 19/7/2025 sẽ trả hết số tiền 254.000.000 đồng.

[4.2]. Ông Hà Quốc V vắng mặt, không có ý kiến phản đối yêu cầu và ý kiến của ông B. Ông Nguyễn Văn B xác định số tiền ông B đưa ông V là tiền đặt cọc để mua lúa. Tại biên nhận ngày 02/8/2024 có liệt kê các khoản tiền và có ghi là cọc, bao tiêu. Do đó lời trình bày của ông B về hợp đồng đặt cọc là có cơ sở nên căn cứ Điều 328 Bộ luật Dân sựxác định ông V có xác lập với ông B hợp đồng đặt cọc với số tiền đặt cọc là 604.000.000 đồng, ông V trả được 100.000.000 đồng nên yêu cầu khởi kiện của ông B về số tiền cọc 504.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[5]. Về yêu cầu trả nợ lãi:

[5.1]. Ông V có xác lập với ông B hợp đồng đặt cọc. Ông V vi phạm nên căn cứ Điều 328 Bộ luật Dân sựông Bé có quyền yêu cầu ông V phải trả cho ông B tài sản đặt cọc và một khoản tiền tương đương giá trị tài sản đặt cọc. Tuy nhiên, ông B yêu cầu tính lãi theo lãi suất 0,83%/tháng và yêu cầu tính lãi từ ngày 14/9/2024 đến ngày xét xử là có lợi cho ông V nên chấp nhận.

[5.2]. Tiền lãi được tính tròn số như sau: 504.000.000 đồng x 15 tháng 24 ngày (từ ngày 14/9/2024 đến ngày 08/01/2026) x 0,83%/tháng = 66.095.000 đồng.

[6]. Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Đối với trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền sau khi xét xử được thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[7]. Về án phí:

Ông Nguyễn Văn B không phải chịu án phí, ông B là người khuyết tật thuộc diện miễn không nộp tạm ứng nên không hoàn trả.

Ông Hà Quốc V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tính tròn số là: 20.000.000 đồng + (170.095.000 đồng x 4%) = 26.804.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 74, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự2015; các Điều 328, Điều 357 Bộ luật Dân sự2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1430/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về hợp đồng đặt cọc của ông Nguyễn Văn B đối với ông Hà Quốc V. Buộc ông Hà Quốc V có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn B số tiền gốc 504.000.000 (năm trăm lẻ bốn triệu) đồng và tiền lãi 66.095.000 (sáu mươi sáu triệu không trăm chín mươi lăm ngàn) đồng. Tổng cộng là 570.095.000 (năm trăm bảy mươi triệu không trăm chín mươi lăm ngàn) đồng.

2. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí:

3.1. Ông Nguyễn Văn B không phải chịu án phí, ông B không nộp tạm ứng nên không hoàn trả.

3.2. Ông Hà Quốc V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tính tròn số là 26.804.000 đồng (hai mươi sáu triệu tám trăm lẻ bốn ngàn) đồng.

4. Ông Nguyễn Văn B, ông Hà Quốc V có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án.

5. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh T;
- VKSND tỉnh T;
- VKSND khu vực 8- T;
- P.THADS khu vực 8- T;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh L